

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn
kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày
14 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của
Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành
quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01 tháng 6 năm 2023
của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ
quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài
Chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc
gia và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế
ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng
nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 217/TTr-SYT ngày 30
tháng 12 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai,
- Công ty Cổ phần cấp nước và xây dựng Yên Bái;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (đ.c Tú);
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Hiền Hạnh

KẾ HOẠCH

Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 01/2026 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt phù hợp với đặc điểm địa lý, khí hậu, thủy văn, tình hình phát triển kinh tế xã hội và điều kiện thực tiễn của tỉnh Lào Cai; áp dụng cho việc kiểm tra, giám sát, ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc gia, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT), các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, các đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh; không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Quá trình xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Từ tháng 01/2026 đến tháng 12/2026.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI

1. Trình tự các bước thực hiện

- Thành lập Ban soạn thảo và tổ thư ký giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Biên soạn dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương của tỉnh

- Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan

- Xem xét, cho ý kiến về việc ban hành Quy chuẩn địa phương.

- Ban hành Quy chuẩn địa phương.

2. Phương án triển khai

(Chi tiết tại phụ lục 1 và 2 đính kèm)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Giao cho Sở Y tế xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện theo đúng quy định. Việc quản lý và sử dụng kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và quy định.

- Tham mưu Quyết định thành lập Ban soạn thảo và tổ thư ký giúp việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

- Là đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hoàn thiện Quy chuẩn địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đúng tiến độ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Sở Y tế triển khai đảm bảo việc xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

- Cử đại diện lãnh đạo, chuyên viên tham gia Ban Soạn thảo và Tổ giúp việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

3. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Y tế trong quá trình khảo sát, điều tra, đánh giá, thu thập số liệu và tham gia góp ý để hoàn thiện các nội dung trong quá trình xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh.

- Cử đại diện lãnh đạo và chuyên viên tham gia Ban Soạn thảo và Tổ giúp việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

- Cung cấp các thông tin theo các lĩnh vực quản lý của ngành trong những năm gần đây theo đề xuất của cơ quan được giao chủ trì tham mưu thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

4. Sở Tư pháp

- Tổ chức thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai đảm bảo trình tự, thủ tục và thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Cử đại diện lãnh đạo, chuyên viên tham gia Ban Soạn thảo và Tổ giúp việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế cân đối ngân sách, tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện việc xây dựng, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai; hướng dẫn quản lý sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

- Cử đại diện lãnh đạo và chuyên viên tham gia Ban Soạn thảo và Tổ giúp việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

6. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng xây dựng quy chuẩn địa phương

- Cử đại diện tham gia Ban soạn thảo, Tổ giúp việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương khi được đề xuất.

- Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong việc cung cấp các thông tin, số liệu, thực trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả giám sát (nội kiểm) chất lượng nước định kỳ và tham gia góp ý dự thảo quy chuẩn (khi được lấy ý kiến).

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo thẩm quyền, cung cấp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý khi có yêu cầu; tham gia góp ý dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (khi được lấy ý kiến).

8. Đề nghị Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật cho tỉnh Lào Cai trong quá trình xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QUY CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

TT	Lĩnh vực, đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (triệu đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Ngân sách nhà nước	Nguồn khác	
1	- Lĩnh vực: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. - Đối tượng: Quy chuẩn này áp dụng đối với Đơn vị cấp nước; đơn vị sử dụng nước; đơn vị, hộ gia đình tự khai thác sử dụng; các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch hoặc cơ quan y tế được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát; các phòng thử nghiệm và tổ chức công nhận các thông số chất lượng nước.	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	Sở Y tế	Tháng 01/2026	Tháng 12/2026	43	43	0	Sở Y tế

Phụ lục 2
DỰ ÁN XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

1. Tên gọi Quy chuẩn kỹ thuật: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

2.1. Phạm vi áp dụng: Quy chuẩn này quy định danh mục và mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai *(mức giới hạn các thông số áp dụng theo QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế)*.

2.2. Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng đối với đơn vị cấp nước; đơn vị sử dụng nước; đơn vị, hộ gia đình tự khai thác sử dụng; các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch hoặc cơ quan y tế được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát; các phòng thử nghiệm và tổ chức công nhận các thông số chất lượng nước.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan: Sở Y tế tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Số 656, Đường Yên Ninh, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại: 0216.3852479 Email:

Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

4. Tình hình quản lý đối tượng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng Quy chuẩn kỹ thuật:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương. ☒

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương. ☐

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực Quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Y tế.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng Quy chuẩn kỹ thuật:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 22 công trình cấp nước tập trung có công suất thiết kế $\geq 1000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (trực thuộc 9 đơn vị cấp nước) cung cấp nước sinh hoạt cho khoảng 116.348 hộ dân trên địa bàn khu vực các Phường Yên Bái, Nam Cường, Âu Lâu, Văn Phú, Nghĩa Lộ, Trung Tâm, Cầu Thia, Lào Cai, Cam Đường và một số xã Hạnh Phúc, Mậu A, Văn Chấn, Lục Yên, Trấn Yên, Yên Bình, Thống Nhất, Bảo Hà, Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Mường Khương, Si Ma Cai, Văn Bàn....và 651 công trình cấp nước tập trung có công suất $< 1.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đêm còn hoạt động trên địa bàn các xã, phường.

Trước ngày 01/7/2025 việc quản lý, kiểm tra, giám sát và chứng nhận chất lượng nước của các cơ sở cung cấp nước trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và các Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai (QCĐP 01:2024/LC), trên địa bàn tỉnh Yên Bái (QCĐP 01:2022/YB).

Từ ngày 01/7/2025, Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, có hiệu lực thi hành và thay thế cho Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế. Căn cứ quy định chuyển tiếp tại Điều 9, Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế và Công văn số 1018/UBND-VX ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, trước mắt việc quản lý, kiểm tra, giám sát, chứng nhận chất lượng nước của các cơ sở cung cấp nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai thực hiện theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT của Bộ Y tế và các quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP 01:2024/LC và QCĐP 01:2022/YB) cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới Quy chuẩn kỹ thuật địa phương sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

5. Lý do và mục đích xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý sau đây:

- + Đảm bảo an toàn. ☒
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe. ☒
- + Bảo vệ môi trường. ☒
- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia. ☒
- + Bảo vệ động, thực vật. ☒
- + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. ☒
- QCĐP dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy. ☒

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01-1:2024/BYT), quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và quy định thời gian: *“Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2027, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chuẩn kỹ thuật địa phương bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư này”*.

+ Căn cứ Công văn số 1018/UBND-VX ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, cho phép tiếp tục áp

dụng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP 01:2024/LC và QCDP 01:2022/YB) cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới Quy chuẩn kỹ thuật địa phương sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Đồng thời giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đầy đủ các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

+ Qua rà soát cho thấy các quy chuẩn địa phương (*QCDP 01:2024/LC có 06/44 thông số, QCDP 01:2022/YB có 06/32 thông số*) có ngưỡng giới hạn cho phép không còn phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế. Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, việc xây dựng và ban hành mới Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai là cần thiết.

6. Loại Quy chuẩn kỹ thuật

- Quy chuẩn kỹ thuật chung ☒
- Quy chuẩn kỹ thuật an toàn ☒
- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường ☒
- Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình ☐
- Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ ☐

7. Những vấn đề sẽ quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Những vấn đề sẽ quy định:
 - + Yêu cầu về thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn). ☐
 - + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác nước dùng cho mục đích sinh hoạt. ☒
 - + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù. ☒
 - + An toàn trong dịch vụ môi trường. ☒
 - + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công. ☒
- Bố cục, nội dung các phần chính của Quy chuẩn kỹ thuật dự kiến:

Gồm 4 chương:

 - + Chương I: Quy định chung.
 - + Chương II: Quy định về kỹ thuật.
 - + Chương III: Quy định về quản lý.
 - + Chương IV: Tổ chức thực hiện.
- Nhu cầu khảo nghiệm Quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: Không.

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cơ sở Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT), kết hợp với các tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu của địa phương.

- Phương pháp thực hiện xây dựng Quy chuẩn địa phương

** Hồi cứu, thu thập số liệu thứ cấp chất lượng nước dùng cho sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ các nguồn:*

+ Kết quả điều tra cắt ngang của tỉnh Yên Bái, Lào Cai (cũ) khi thực hiện xây dựng quy chuẩn địa phương (QCĐP 01:2024/LC; QCĐP 01:2022/YB).

+ Kết quả giám sát chất lượng nước dùng cho sinh hoạt (99 thông số) của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh các năm 2021-2023.

+ Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của các đơn vị cấp nước có công suất $\geq 1000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm định kỳ, kết quả xét nghiệm 99 thông số định kỳ 3 năm/lần trong 3 năm gần đây.

+ Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước các đơn vị cấp nước của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế khu vực, Trung tâm Khuyến nông và dịch vụ nông nghiệp tỉnh trong 3 năm gần đây.

** Hồi cứu, thu thập số liệu thứ cấp chất lượng nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, từ các nguồn:*

+ Thu thập kết quả quan trắc, giám sát chất lượng nước mặt, nước dưới đất từ Sở Nông nghiệp và Môi trường trong 3 năm gần đây.

+ Thu thập kết quả quan trắc chất lượng nước nguồn (nước mặt, ngầm) của các đơn vị cấp nước có công suất $\geq 1000\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm trong 3 năm gần đây.

** Hồi cứu, thu thập số liệu thứ cấp về chất lượng nước thải trên địa bàn tỉnh Lào Cai, từ các nguồn:*

+ Thu thập kết quả quan trắc chất lượng nước thải công nghiệp, nông nghiệp...trong 3 năm trở lại đây từ Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật:

+ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

+ Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

+ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

+ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

+ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Thông tư số 28/2012/TT-BYT ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01/06/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

9. Kiến nghị Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn Quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Sở Y tế là cơ quan chủ trì.

- Dự kiến Ban soạn thảo gồm 01 Trưởng ban là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 Phó trưởng ban (Lãnh đạo Sở Y tế là Phó trưởng ban thường trực; Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là Phó trưởng ban); các thành viên là Đại diện lãnh đạo các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; lãnh đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, đại diện một số đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh. Mời các chuyên gia đại diện Cục Phòng bệnh, Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường tham gia Ban soạn thảo.

Tổ thư ký giúp việc cho ban soạn thảo gồm đại diện lãnh đạo/ chuyên viên các phòng chuyên môn liên quan các sở: Y tế, Khoa học và công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Nhiệm vụ của Ban Soạn thảo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự án, thu thập cơ sở dữ liệu và dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

10. Cơ quan phối hợp xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức phối hợp để xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật gồm: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, các Trung tâm y tế khu vực, các đơn vị cấp nước, các chuyên gia/tổ chức hoạt động lĩnh vực cấp nước và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật: Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cần lấy ý kiến góp ý về dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật: 9 đơn vị cấp nước có công suất thiết kế $\geq 1000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, các sở, ngành liên quan, các chuyên gia/tổ chức hoạt động lĩnh vực cấp nước, chất lượng nước.

- Cơ quan hướng dẫn, hỗ trợ: Cục Phòng bệnh, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường (Bộ Y tế).

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
I	Thành lập ban soạn thảo	Tháng 01/2026	Tháng 01/2026
II	Biên soạn dự thảo QCDP		
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương		
-	<i>Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.</i>	Tháng 01-02/2026	
-	<i>Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.</i>		
-	<i>Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều tra, khảo sát, thu thập số liệu có liên quan đến Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.</i>		

-	<i>Chuẩn bị và thông qua đề cương chi tiết việc triển khai Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương kèm theo khung dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (01 Hội nghị).</i>		
2	Triển khai, biên soạn dự thảo QCĐP		
-	<i>Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, thu thập số liệu thứ cấp để đánh giá thực trạng, xác định mức giới hạn, thông số của đặc tính kỹ thuật, đánh giá mức rủi ro của đối tượng để phục vụ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương</i>	Tháng 3/2026 - 4/2026	
-	<i>Biên soạn dự thảo (lần 1) trên cơ sở khung nội dung dự thảo đã được ban soạn thảo thống nhất và viết thuyết minh cho dự thảo.</i>		
-	<i>Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến của Ban soạn thảo, các chuyên gia có liên quan đối với dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (lần 2).</i>	Tháng 5/2026	Tháng 5/2026
-	<i>Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.</i>	Tháng 5/2026	Tháng 5/2026
III	Tổ chức thông báo, lấy ý kiến rộng rãi và hoàn chỉnh dự thảo QCĐP		
-	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xem xét hồ sơ, gửi dự thảo xin ý kiến đến Bộ khoa học và công nghệ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của địa phương (Sở Khoa học và Công nghệ) để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN.</i>	Tháng 6/2026	Tháng 7/2026
-	<i>Tổ chức Hội nghị chuyên đề lấy ý kiến dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật (lần 2).</i>	Tháng 8/2026	Tháng 8/2026
-	<i>Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo.</i>	Tháng 8/2026	Tháng 8/2026

-	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm tra hồ sơ dự thảo QCĐP để xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự thảo QCĐP. UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đến Bộ Y tế để tổ chức xem xét, cho ý kiến.</i>	<i>Tháng 9/2026</i>	<i>Tháng 9/2026</i>
IV	Xem xét, cho ý kiến về việc ban hành QCĐP		
-	<i>Bộ Y tế xem xét tính hợp lệ, nội dung, sự phù hợp, tính thống nhất... của hồ sơ dự thảo QCĐP và cho ý kiến với về việc ban hành QCĐP.</i>	<i>Tháng 10/2026</i>	<i>Tháng 10/2026</i>
-	<i>Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo (nếu có).</i>	<i>Tháng 11/2026</i>	<i>Tháng 11/2026</i>
V	Ban hành Quy chuẩn địa phương		
-	<i>Sở Y tế hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ văn bản QPPL.</i>	<i>Tháng 11/2026</i>	<i>Tháng 11/2026</i>
-	<i>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến các thành viên UBND tỉnh.</i>	<i>Tháng 11/2026</i>	<i>Tháng 11/2026</i>
-	<i>Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.</i>	<i>Tháng 12/2026</i>	<i>Tháng 12/2026</i>

12. Dự toán kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí dự kiến: **43.000.000** đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu đồng chẵn).

Trong đó, ngân sách nhà nước: 100%.

- Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: *(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo).*

Phụ lục 3

DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG QUY CHUẨN ĐỊA PHƯƠNG (Kèm theo Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Cơ sở pháp lý
	Tổng				43.000.000	
1	Chi lập dự án xây dựng QCĐP trình cấp thẩm quyền phê duyệt	Dự án	1	1.500.000	1.500.000	Điểm b, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
2	Chi Hội nghị, hội thảo, họp nhóm kỹ thuật				37.600.000	
2.1	Hội nghị triển khai xây dựng Quy chuẩn địa phương				9.500.000	
-	Tài liệu: 40 đại biểu/cuộc x 1 cuộc	Bộ	40	50.000	2.000.000	Chi theo thực tế
-	Giải khát	Người	40	50.000	2.000.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND ngày 06/6/2025
-	Ma kết	Cái	1	1.000.000	1.000.000	Theo thực tế
-	Người chủ trì	Buổi	1	600.000	600.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	39	100.000	3.900.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
2.2	Chi họp các thành viên Ban soạn thảo, Tổ giúp việc lấy ý kiến đối với dự thảo QCĐP				8.100.000	
-	Tài liệu: 20 đại biểu/cuộc x 2 cuộc	Bộ	40	50.000	2.000.000	Chi theo thực tế
-	Giải khát	Người	40	50.000	2.000.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND ngày 06/6/2025
-	Người chủ trì	Người	2	150.000	300.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Cơ sở pháp lý
-	Thành viên tham dự	Người	38	100.000	3.800.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
2.3	Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCĐP				13.000.000	
-	Tài liệu: 50 đại biểu/cuộc x 1 cuộc	Bộ	50	80.000	4.000.000	Chi theo thực tế
-	Giải khát	Người	50	50.000	2.500.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND ngày 06/6/2025
-	Ma két	Cái	1	1.000.000	1.000.000	Chi theo thực tế
-	Người chủ trì	Người	1	600.000	600.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	49	100.000	4.900.000	Điểm i, khoản 1, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
2.4	Họp hội đồng thẩm tra hồ sơ dự thảo QCĐP (dự kiến 10 đại biểu)				7.000.000	
-	Chủ trì cuộc họp	Người	1	1.000.000	1.000.000	Điểm n, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
-	Thành viên tham dự	Người	9	500.000	4.500.000	
-	Tài liệu	Người	10	100.000	1.000.000	Chi theo thực tế
-	Giải khát	người	10	50.000	500.000	Khoản 7 Điều 1, Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 và Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ-UBND ngày 06/6/2025
3	Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm định của thành viên hội đồng (02 báo cáo phản biện)	Báo cáo	2	500.000	1.000.000	Điểm m, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020
4	Chi khác (Văn phòng phẩm, in ấn, photo tài liệu liên quan đến xây dựng QCĐP)	Dự án	1	2.900.000	2.900.000	Chi theo thực tế